

Phụ lục II
BIỂU MẪU THỐNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
06 THÁNG ĐẦU NĂM 2025

(Ban hành kèm theo Báo cáo số /BC-SKHCN ngày /6/2025 của Sở Khoa học và Công nghệ)

Biểu mẫu 7
Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

STT	Chỉ tiêu thống kê (Số liệu báo cáo 06 tháng đầu năm 2025)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử phiên bản mới nhất	Chưa = 0 Hoàn thành = 1	1	
2.	Xây dựng và vận hành Hệ thống hợp trực tuyến <i>Liên thông 2 cấp: Từ UBND tỉnh - 100% UBND các huyện.</i> <i>Liên thông 3 cấp: Từ UBND tỉnh - 100% UBND cấp huyện, cấp xã.</i>	Chưa có = 0 2 cấp = 1 3 cấp = 2	2	
3.	Tỷ lệ báo cáo định kỳ được gửi, nhận qua Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia	%	100	
4.	Triển khai xây dựng nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung (LGSP).	Chưa = 0 Đang làm = 1 Hoàn thành = 2	2	
5.	Số liệu về trao đổi văn bản điện tử			
5.1.	Thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn bản điều hành từ cấp tỉnh đến cấp xã			

STT	Chỉ tiêu thống kê (Số liệu báo cáo 06 tháng đầu năm 2025)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
5.1.1.	Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh	%	100	
5.1.2.	Tỷ lệ UBND cấp huyện đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh	%	100	
5.1.3.	Tỷ lệ UBND cấp xã đã kết nối, liên thông với UBND huyện.	%	100	
5.2.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của địa phương (Chỉ thống kê tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử; sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử).	%	95,84	
5.2.1.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của các sở, ban, ngành cấp tỉnh	%	98,57	
5.2.2.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp huyện	%	91,80	
5.2.3.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp xã	%	99,84	
5.3.	Xây dựng, vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử tập trung của tỉnh			
5.3.1.	Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối liên thông với Hệ thống	%	100	
5.3.2.	Tỷ lệ đơn vị cấp huyện đã kết nối liên thông với Hệ thống	%	100	
5.3.3.	Tỷ lệ đơn vị cấp xã đã kết nối liên thông với Hệ thống	%	100	
6.	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến			
6.1.	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến một phần	%	100	
6.1.1.	Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến một phần	Thủ tục		
6.1.2.	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến một phần	Thủ tục	860	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Số liệu báo cáo 06 tháng đầu năm 2025)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
6.1.3.	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến một phần có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến	Thủ tục	103	
6.2.	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến toàn trình	%	100	
6.2.1.	Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến toàn trình	Thủ tục	841	
6.2.2.	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến toàn trình	Thủ tục	1.451	
6.2.3.	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến toàn trình có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến	Thủ tục	170	
6.3.	Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến toàn tình và một phần đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia	%	68,97%	
6.3.1.	Tổng số TTHC đang cung cấp trực tuyến toàn tình và một phần của địa phương	Thủ tục	1.564	
6.3.2.	Số TTHC cung cấp trực tuyến toàn trình và một phần đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia	Thủ tục	1.038	
6.4.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận trực tuyến toàn trình và một phần (Chỉ thống kê đối với các TTHC mức độ toàn trình và một phần có phát sinh hồ sơ)	%	96,3%	
6.4.1.	Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận (cả trực tiếp và trực tuyến)	Hồ sơ	141.624	
6.4.2.	Số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trực tuyến	Hồ sơ	136.390	
6.5.	Tỷ lệ TTHC được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến	%	100	
6.5.1.	Tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính (tất cả các TTHC có phát sinh phí, lệ phí,...)	Thủ tục	805	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Số liệu báo cáo 06 tháng đầu năm 2025)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
6.5.2.	Số TTHC đã được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia hoặc trên Cổng DVC của tỉnh.	Thủ tục	805	